

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2022/DS-ST

Ngày: 04-10-2022

V/v tranh hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Tám**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thùy Kha**

Ông Nguyễn Đình Cường

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Hoàng Cúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2022/TLST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2022, về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH F**

Trụ sở: Tầng 2, Ree Tower, Số 9, đường Đ, Phường z, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lô Bằng G** – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền của ông G: Bà **Lương Hoàng Y** – chức vụ: Trưởng phòng Tổ tụng.

Theo văn bản ủy quyền số 41 và 42/UQ-XLTD.22, ngày 18/3/2022.

Đại diện tham gia tố tụng của bà Y: Công ty luật TNHH MTV Đ1.

Theo văn bản ủy quyền số 58/UQ-XLTD.22, ngày 14/5/2022.

Đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Anh **Đình Văn P** – chức vụ: Nhân viên.

Địa chỉ: F2-73, đường N, khu vực TT, phường P1, quận C, thành phố Cần Thơ.

Theo văn bản ủy quyền số 44/UQTT.DLO.2022, ngày 04/8/2022.

*** Bị đơn: Nguyễn Thị Thu V**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P2, xã A, huyện Đình Văn P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn anh Đình Văn P trình bày: Nguyên vào ngày 09/01/2020, Công ty có ký hợp đồng tín dụng số 20200111-0000276 với bà Nguyễn Thị Thu V, cho bà V vay số tiền 60.979.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 2.5%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà V có trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền gốc, lãi là 93.184.213 đồng trong vòng 36 tháng; trong 35 tháng đầu, mỗi tháng bà V phải trả số tiền 2.589.000 đồng, tháng cuối phải trả số tiền 2.569.213 đồng, ngày bắt đầu thanh toán gốc lãi đầu tiên là ngày 15/02/2020.

Thực hiện hợp đồng, bà V đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty được 6 lần vào các kỳ 1, 2, 3, 4, 6 với tổng số tiền 15.612.984 đồng. Kể từ ngày 29/10/2020 đến nay, bà V không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do bà V trễ hạn thanh toán nên Công ty yêu cầu bà V thanh lý hợp đồng một lần cho công ty toàn bộ dư nợ hiện có gồm: nợ gốc là 54.168.095 đồng, nợ lãi tính đến ngày 16/01/2023 là 23.403.134 đồng. Tổng số tiền Công ty yêu cầu bà V thanh toán là 77.571.229 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thu V biết về việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ của Công ty cung cấp, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà V vắng mặt không có lý do.

Tại phiên hôm nay anh Đình Văn P đại diện cho Công ty trình bày: yêu cầu bà V trả số tiền gốc lãi cho Công ty là 76.285.234 đồng (trong đó gốc là 54.168.095 đồng, lãi tính đến ngày 04/10/2022 là 22.117.139 đồng), không yêu cầu trả lãi tiếp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bị đơn bà Nguyễn Thị Thu V đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà V

[2] Về nội dung: vào ngày 09/01/2020, bà Nguyễn Thị Thu V có ký hợp đồng tín dụng số 20200111-0000276 với Công ty Tài chính TNHH F vay số tiền 60.979.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 2.5%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Thực hiện hợp đồng, bà V đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho công ty được 6 lần vào các kỳ 1, 2, 3, 4, 6 với tổng số tiền 15.612.984 đồng. Kể từ ngày 29/10/2020 đến nay, bà V không thanh toán tiếp cho Công ty số tiền nào, hiện còn nợ số tiền gốc, lãi là 76.285.234 đồng, nên Công ty yêu cầu bà V trả số tiền gốc, lãi là 76.285.234 đồng (trong đó gốc là 54.168.095 đồng, lãi tính đến ngày 04/10/2022 là 22.117.139 đồng), không yêu cầu trả lãi tiếp.

Do đó, xét việc Công ty yêu cầu bà V phải trả cho Công ty số tiền 76.285.234 đồng (trong đó gốc là 54.168.095 đồng, nợ lãi tính đến ngày 04/10/2022 là 22.117.139 đồng), không yêu cầu trả lãi tiếp là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Công ty được chấp nhận nên bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền buộc phải trả cho Công ty tài chính TNHH F, án phí: $5\% \times 76.285.234 \text{ đồng} = 3.814.000 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Điều 463, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH F.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu V có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính TNHH F số tiền gốc, lãi là 76.285.234 đồng (Bảy mươi sáu triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi bốn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị Thu V phải nộp 3.814.000 đồng (Ba triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty tài chính TNHH F số tiền tạm ứng án phí 1.939.000 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số N⁰ 0007278 ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAT: 01;
- VKSND H:01;
- THADS H: 01;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- Dương sự: 02;
- Lưu HS.

Võ Thị Tám